

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 640/2020/HC-PT

Ngày 19 - 10 - 2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Vũ Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 385/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3675/2020/QĐPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1942. Địa chỉ: C7/13/B/51 Đường F, tổ 206, Ấp 4A, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phan Thị Mai B, sinh năm: 1962; Địa chỉ: 867 Đường I, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Mai C, sinh năm: 1964; Địa chỉ: 1199/47 Đường L, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Mai D, sinh năm: 1972; Địa chỉ: C7/13/B/51 Đường F, tổ 206, Ấp 4A, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1966;

6. Bà Nguyễn Thị Mai E, sinh năm: 1974;

Cùng địa chỉ: 85/20/1 Đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà A, Bà B, Bà C, Ông Đ, Bà E: Bà Nguyễn Thị Mai D, sinh năm: 1972; Địa chỉ: C7/13/B/51 Đường F, tổ 206, Ấp 4A, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Quận K chứng thực ngày 10/12/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của Bà A, Bà D: Ông Nguyễn Chinh Q, sinh năm: 1964; Địa chỉ: 95T Đường R, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng U chứng thực ngày 05/5/2020).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Thành W, Chức vụ : Phó Chủ tịch UBND huyện V (Theo văn bản ủy quyền số 1049/UQ-UBND ngày 18/2/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Hoàng X, Chức vụ : Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện V (Theo văn bản cử người bảo vệ số 174/TB-UBND ngày 18/02/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Y, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Ấp 4, xã Z, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Y: Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 49 Đường B2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (Theo giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng B1 chứng thực ngày 29/4/2020).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông/Bà Nguyễn Thị A, Phan Thị Mai B, Nguyễn Thị Mai C, Nguyễn Thị Mai D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mai E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện do Bà D và Ông Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ năm 1976, Bà A và các con hồi hương về quê ấp C1, xã D1, huyện V, tỉnh Long An được cha mẹ chia cho đất cùng lượt các anh chị em khác. Thời điểm cho đất, không làm giấy tờ, không đo đạc nhưng có chứng kiến của họ hàng (xác nhận gia tộc ngày 05/6/2018). Từ năm 1976, Bà A cất nhà ở riêng đăng ký gồm 8 nhân khẩu cho các con là Ông Trần Văn Y và các em (trích lục hộ khẩu có xác nhận của Công an xã Z ngày 31/5/2018). Năm 1980-1982, Bà A kê khai diện tích 6.475m² thửa 736, tờ bản đồ số 5 tại Sổ mục kê trang số 150 ruộng đất của ấp 2, xã Z nay thuộc một phần thửa 1201, 1202, tờ bản đồ số 4, ấp 4, xã Z. Do đi làm ăn xa nên Bà A giao ruộng đất lại cho con trai là Trần Văn Y ở chung ông bà ngoại và trông coi quản lý hộ và đăng ký dùm. Ông Trần Văn Y đã tự ý kê khai thửa 736 và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1193/QSDĐ/0205-LA ngày 18/12/1997 diện tích 6.975m². Do đó, Bà A, Bà B, Bà E, Bà D, Bà C và Ông Đ khởi kiện yêu cầu Hủy Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 08587/QSĐĐ/0205-LA ngày 15/12/2003 đối với thửa 1201 và 1202. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 677042 số vào sổ 1193/QSĐĐ/0205-LA ngày 18/12/1997 do UBND huyện V cấp cho Ông Trần Văn Y đối với thửa 1263, loại đất lúa, diện tích 6.340m² để cấp lại cho hộ gia đình theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà D và Ông Q đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1201 và 1202 của UBND huyện V đã cấp cho Ông Y. Riêng thửa 1263 Ông Y đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Y đã bị thu hồi do chuyển tên cho người khác đứng tên quyền sử dụng nên Bà D rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1263.

Tại văn bản số 1235/UBND-VP ngày 26/02/2020 Ủy ban nhân dân huyện V trình bày:

Ông Trần Văn Y được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/1997 tại thửa đất số 1263, được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/12/2003 tại thửa đất số 1201, 1202, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã Z là cấp giấy lần đầu, cơ sở người sử dụng đất kê khai đăng ký xin cấp giấy được Hội đồng cấp giấy của UBND xã Z xét duyệt, UBND xã Z lập hồ sơ đề nghị theo quy định để UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Việc những người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện V khẳng định là không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Ông Trần Văn Y do Ông Nguyễn Văn A1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất 1201 và thửa 1202 nguồn gốc của ông bà ngoại Ông Y cho Ông Y. Ông Y đã đăng ký kê khai và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08587/QSĐĐ/0205 ngày 15/12/2003 đối với 02 thửa 1201 và 1202. Riêng thửa 1263 thì do UBND huyện V đã cấp nhầm đất của bà Nguyễn Thị E1 (dì Ông Y) cho Ông Y. Năm 2004, khi phát hiện cấp nhầm thì Ông Y đã chuyển tên lại cho bà E1 và bà E1 đã đứng tên quyền sử dụng đất từ năm 2004. Hiện nay, bà E1 đã chuyển quyền cho người khác nên Ông Y không ý kiến gì đối với thửa 1263.

Tại Bản án số 08/2020/HC-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, 165 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 166 và Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà A, Bà B, Bà E, Bà D, Bà C và Ông Đ về yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện V.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp cho Ông Trần Văn Y số Y 299426 số vào sổ 08587/QSDD/0205-LA ngày 15/12/2003 diện tích 6.975m² thửa đất số 1201 và 1202, tờ bản đồ số 4, tại ấp 4, xã Z, huyện V, tỉnh Long An được cấp đúng quy định của pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 677042 số vào sổ 1193/QSDD/0205-LA ngày 18/12/1997 do UBND huyện V cấp cho Ông Trần Văn Y đối với thửa 1263.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/5/2020 các người khởi kiện ông/Bà Nguyễn Thị A, Phan Thị Mai B, Nguyễn Thị Mai C, Nguyễn Thị Mai D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mai E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1201 và 1202 của UBND huyện V đã cấp cho Ông Y.

Ông Nguyễn Văn A1 là người đại diện hợp pháp cho Ông Trần Văn Y cho rằng nguồn gốc thửa 1201 và 1202 do ông bà ngoại để lại cho Ông Y, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định: Tại thời điểm Ông Y kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông người trực tiếp quản lý sử dụng đất, không ai tranh chấp nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa 1201 và 1202 là đúng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: **biểu:** Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đối tượng khởi kiện tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính là đúng quy định.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Long An.

[1.4] Về thời hiệu: Bà A, Bà B, Bà E, Bà D, Bà C và Ông Đ khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08587/QSĐĐ/0205-LA ngày 15/12/2003 đối với thửa 1201 và 1202:

+ Về tố tụng: UBND huyện V là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo Luật Đất đai năm 1993. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08587/QSĐĐ/0205-LA ngày 15/12/2003 đối với thửa 1201 và 1202 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 1993.

+ Về nội dung:

Tại thời điểm Ông Y kê khai thì những người khởi kiện không ở địa phương và cũng không quản lý, sử dụng đất, chính Ông Y là người trực tiếp quản lý, sử dụng và không có ai tranh chấp. Tại văn bản số 117/CV-UBND ngày 22/5/2015 của UBND xã Z và văn bản số 880/UBND-TNMT ngày 18/6/2015 của UBND huyện V cũng xác định Ông Y là người sử dụng hai thửa đất trên từ năm 1976 đến nay. Như vậy, Ông Y đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Do đó, đủ cơ sở khẳng định việc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Trần Văn Y là đúng đối tượng sử dụng đất. Vì vậy, tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp cho Ông Trần Văn Y số Y 299426 số vào sổ 08587/QSĐĐ/0205-LA ngày 15/12/2003 diện tích 6.975m² thửa đất số 1201 và 1202, tờ bản đồ số 4, tại xã ấp 4, xã Z, huyện V, tỉnh Long An là có căn cứ.

Ngoài ra, việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Bà Nguyễn Thị A và Ông Trần Văn Y đối với thửa 1202 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử bằng bản án dân sự phúc thẩm số 24/2016/DS-PT ngày 18/01/2016 nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu Ông Trần Văn Y phải trả lại cho Bà A 3.500m² đất thuộc một phần thửa đất số 1202, loại đất lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Z, huyện V, tỉnh Long An. Trong vụ án trên thì Bà A (do Bà Nguyễn Thị Mai D đại diện theo ủy quyền) xác định không

tranh chấp thửa 1201 với Ông Y do có phần nhà của Ông Y. Đối với việc những người khởi kiện xác định thửa 1201 có nguồn gốc của Bà A là không có căn cứ. Bởi lẽ, thửa 1201 những người khởi kiện không ai quản lý sử dụng phần đất trên mà do vợ chồng Ông Y quản lý và sử dụng cũng như cất nhà từ năm 1977.

[2.2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1193/QSDĐ/0205-LA ngày 18/12/1997 diện tích 6.975m² thửa 1263 do UBND huyện V cấp cho ông Trần Văn Y: Tại sơ thẩm Ông Q và Bà A đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện hủy giấy của Ông Y đối với thửa 1263 nên tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của những người khởi kiện là đúng quy định.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện, thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Bà Nguyễn Thị A là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Các ông/Bà Phan Thị Mai B, Nguyễn Thị Mai C, Nguyễn Thị Mai D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mai E phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông/Bà Nguyễn Thị A, Phan Thị Mai B, Nguyễn Thị Mai C, Nguyễn Thị Mai D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mai E;

- Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, 165 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 166 và Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà A, Bà B, Bà E, Bà D, Bà C và Ông Đ về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp cho Ông Trần Văn Y số Y 299426 số vào sổ 08587/QSDĐ/0205-LA ngày 15/12/2003 diện tích 6.975m² thửa đất số 1201 và 1202, tờ bản đồ số 4, tại ấp 4, xã Z, huyện V, tỉnh Long An.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 677042 số vào sổ 1193/QSDĐ/0205-LA ngày 18/12/1997 do UBND huyện V cấp cho Ông Trần Văn Y đối với thửa 1263.

II. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A được miễn án phí, Bà A được hoàn lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000917 ngày 19/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An. Các ông/Bà Phan Thị Mai B, Nguyễn Thị Mai C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mai E, Nguyễn Thị Mai D, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 000980, 000981, 0000982, 0000983 cùng ngày 26/6/2020, số 0000916 cùng ngày 19/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự (8);
- Lưu: HS, VP. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên